

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ
VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN

Cán bộ tham gia đề tài nghiên cứu khoa học sản xuất năm học 2024 - 2025
TẠI CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên hợp đồng	Số HĐ	Ngày ký HĐ	Ngày thanh lý/ Nghiệm thu	Tổng giá trị hợp đồng	Tổng số tiền chuyển về	Chủ nhiệm công trình	Thành viên tham gia
1	Tư vấn khảo sát + Thiết kế bản vẽ thi công thuộc Dự án: Xây dựng hệ thống cấp nước sạch các xã trên địa bàn huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai	02/2024/HĐTV-KS. TKBVTC (HĐ 31/2024-CODECO)	03/05/2024	11/12/2024	3.119.663.000	3.012.000.000	Phạm Minh Tuấn	Nguyễn Văn Hùng
2	Tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán. Hạng mục: Nhà lớp học, phòng học bộ môn, khu ký túc xá, công vụ, bếp ăn, ngoại thất và các hạng mục phụ trợ Công trình: Trường THPT số 1 huyện Bắc Hà	69/2024/HĐTV-DA3 (HĐ 83/2024-CODECO)	31/7/2024	25/12/2024	158.861.000	93.000.000	Phạm Minh Tuấn	Nguyễn Văn Hùng
3	Đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính trên địa bàn phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì thuộc dự án: Đo đạc, thành lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính trên địa bàn 05 phường: Tiêu Cát, Thọ Sơn, Thanh Miếu, Bạch Hạc, Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	2505/HĐ-ĐĐĐC (HĐ 174/2024-CODECO)	25/11/2024	19/06/2025	3.100.974.000	1.000.000.000	Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Thị Thanh Thảo



XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY

PHÓ GIÁM ĐỐC
PGS.TS: *Lê Trọng Thắng*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Si Ma Cai, ngày 03 tháng 05 năm 2024

HỢP ĐỒNG

Số: 02/2024/HĐTV - KS, TKBVTC

**Gói thầu số 13: Tư vấn Khảo sát + Thiết kế bản vẽ thi công thuộc Dự án:
Xây dựng hệ thống cấp nước sạch các xã trên địa bàn huyện Si Ma Cai, tỉnh
Lào Cai**

giữa

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUYỆN SI MA CAI

và

LIÊN DANH THỦY SƠN - VIWASE - CODECO

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Điều 2. Loại hợp đồng

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

Điều 4. Trao đổi thông tin

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (đối với trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng)

Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng

Điều 8. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

Điều 9. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng công trình

Điều 10. Nội dung và khối lượng công việc tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình

Điều 11. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 12. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 13. Giá hợp đồng

Điều 14. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

Điều 17. Nhà thầu phụ (nếu có)

Điều 18. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

Điều 19. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Điều 20. Bảo hiểm

Điều 21. Rủi ro và bất khả kháng

Điều 22. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

Điều 24. Chấm dứt hợp đồng

Điều 25. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

Điều 26. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Điều 27. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 28. Tạm ứng và thanh toán

Điều 29. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

Điều 30. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

Điều 31. Điều khoản chung

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Loại hợp đồng

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (đối với trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng)

Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 5. Giá hợp đồng

Điều 6. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 7. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 11. Tạm ứng và thanh toán

Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

Điều 13. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

Điều 14. Điều khoản chung

1. S
QUẢN
SÁI
U T
DU
★

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
Luật Xây dựng số 50/2014/QH13	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.
Luật số 62/2020/QH14	Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
Nghị định số 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 06/2021/NĐ-CP	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
Nghị định số 15/2021/NĐ-CP	Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày 03 tháng 05 năm 2024, tại Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Si Ma Cai, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Đại diện Chủ đầu tư (Bên A): BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUYỆN SI MA CAI

- Đại diện là Ông **Đỗ Đình Thi** Chức vụ: **Giám đốc**
- Địa chỉ: Tổ dân phố Hoàng Thu Phố, thị trấn Si Ma Cai, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.

- Điện thoại: 02143 796 080 - Fax: 02143 796 080

- Tài khoản: 9552.3.8084900 tại KBNN Si Ma Cai – Lào Cai

2. Nhà thầu (Bên B): Liên danh THỦY SƠN - VIWASE – CODECO, Thành viên trong liên danh gồm:

a. Thành viên liên danh thứ nhất: Nhà thầu đứng đầu liên danh:

- Tên giao dịch: **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tư vấn Thủy Sơn.**

- Địa chỉ: Số 93C, đường Trần Đăng Ninh, tổ 11, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La, Việt Nam.

- Đại diện: Ông **Nguyễn Mạnh Hùng** Chức vụ: **Giám đốc.**

- Tài khoản: 4110511321 Tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Sơn la

- Điện thoại: 0223853567 Fax

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tư vấn Thủy Sơn có mã số doanh nghiệp 5500207403 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp; đăng ký lần đầu ngày 29/4/2002; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 18/10/2021.

b. Thành viên liên danh thứ hai:

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần nước và môi trường Việt Nam.**

- Địa chỉ: Số 5, đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Đại diện: Ông **Trịnh Xuân Thịnh** Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc.**

(Theo giấy ủy quyền số 15/UQ –VIWASE ngày 26/4/2024 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần nước và môi trường Việt Nam)

- Tài khoản: 2110000113 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội

- Điện thoại: 02438281625

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần nước và môi trường Việt Nam có mã số doanh nghiệp 0100104972 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp; đăng ký lần đầu ngày 28/11/2006.

c. Thành viên liên danh thứ ba

- Tên giao dịch: **Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất.**

- Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.



- Đại diện: Ông Trần Đình Kiên

Chức vụ: Giám đốc

- Tài khoản: 111000037499 - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long, Hà Nội

- Điện thoại: 0903226132

Fax

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên có mã số doanh nghiệp: 0101074336 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp; đăng ký lần đầu ngày 14/10/2000; đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 23/10/2023

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng tư vấn gói thầu số 13: Tư vấn Khảo sát + Thiết kế bản vẽ thi công thuộc dự án: Xây dựng hệ thống cấp nước sạch các xã trên địa bàn huyện Si Ma Cai như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ban hành ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật xây dựng;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BKHĐT ngày 15/02/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 3/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 02/2023/TT-BXD ngày 03/03/2023 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai và Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh Lào Cai

về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 04/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Si Ma Cai về việc phê duyệt dự án: Xây dựng hệ thống cấp nước sạch các xã trên địa bàn huyện Si Ma Cai;

Căn cứ Quyết số 29/QĐ-UBND ngày 04/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Si Ma Cai về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Xây dựng hệ thống cấp nước sạch các xã trên địa bàn huyện Si Ma Cai;

Căn cứ Thỏa thuận Liên danh, giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tư vấn Thủy Sơn, Công ty cổ phần nước và môi trường Việt Nam, Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất, ký ngày 25/04/2024;

Căn cứ quyết định số 80/QĐ-BQLDA ngày 02/05/2024 của Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Si Ma Cai về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật Gói thầu số 13: Tư vấn Khảo sát + Thiết kế bản vẽ thi công thuộc dự án: Xây dựng hệ thống cấp nước sạch các xã trên địa bàn huyện Si Ma Cai;

Căn cứ Biên bản thương thảo Hợp đồng ngày 03/5/2024 giữa Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Si Ma Cai và Liên danh THỦY SƠN - VIWASE - CODECO về việc thực hiện Gói thầu số 13: Tư vấn Khảo sát + Thiết kế bản vẽ thi công thuộc Dự án: Xây dựng hệ thống cấp nước sạch các xã trên địa bàn huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai;

Căn cứ quyết định số /QĐ-BQLDA ngày 03/05/2024 của Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Si Ma Cai về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 13: Tư vấn Khảo sát + Thiết kế bản vẽ thi công thuộc Dự án: Xây dựng hệ thống cấp nước sạch các xã trên địa bàn huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai;

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Si Ma Cai.
2. Nhà thầu tư vấn là Liên danh THỦY SƠN - VIWASE - CODECO.
3. Dự án là Xây dựng hệ thống cấp nước sạch các xã trên địa bàn huyện Si Ma Cai.
4. Công trình là: Xây dựng hệ thống cấp nước sạch các xã trên địa bàn huyện Si Ma Cai.
5. Gói thầu là: Gói thầu số 13: Tư vấn Khảo sát + Thiết kế bản vẽ thi công thuộc Dự án: Xây dựng hệ thống cấp nước sạch các xã trên địa bàn huyện Si Ma Cai.
6. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu tư vấn để trực tiếp thực hiện công việc.

7. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 3 [Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên].

8. HSMT của Chủ đầu tư là toàn bộ tài liệu theo quy định tại Phụ lục số ... [HSMT của Chủ đầu tư].

9. HSDT của Nhà thầu tư vấn là toàn bộ tài liệu theo quy định tại Phụ lục số.... HSDT của Nhà thầu tư vấn].

10. Đơn dự thầu là đề xuất của Nhà thầu tư vấn có ghi giá dự thầu để thực hiện công việc theo đúng các yêu cầu của HSMT.

11. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tư vấn tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

12. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

13. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

14. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

- a) Văn bản thông báo trúng thầu hoặc chỉ định thầu;
- b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng hoặc điều khoản tham chiếu đối với hợp đồng tư vấn xây dựng.
- c) Điều kiện chung của hợp đồng;
- d) HSMT của chủ đầu tư;
- đ) Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;
- e) HSDT của Nhà thầu tư vấn;
- g) Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;
- h) Các phụ lục của hợp đồng;
- i) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.
2. Ngôn ngữ của hợp đồng: [quy định tại **ĐKCT**]

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (đối với trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng): Không áp dụng.

Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng:

1. Nội dung và khối lượng công việc Nhà thầu tư vấn thực hiện được thể hiện cụ thể trong Hồ sơ mời thầu của Chủ đầu tư và các thỏa thuận tại các biên bản đàm phán hợp đồng giữa các bên, bao gồm các công việc chủ yếu sau:

1.1. Nhiệm vụ chung:

- Nghiên cứu nhiệm vụ khảo sát đã được phê duyệt, lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng theo quy định.

- Thu thập và phân tích số liệu, tài liệu đã có, nghiên cứu quan trắc khí tượng, thủy văn, địa chất, địa kỹ thuật có liên quan hoặc có thể ảnh hưởng đến công trình đang khảo sát.

- Khảo sát hiện trường.

- Khoan, lấy mẫu, thí nghiệm, xác định tính chất cơ lý, hoá học của đất, đá, nước.

- Xử lý số liệu và lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng.

- Các công việc khảo sát xây dựng khác theo quy định.

1.2. Khảo sát địa hình:

a) Tuyến đập: Đo vẽ cắt dọc, cắt ngang tuyến đập.

b) Tuyến cống lấy nước: Đo vẽ cắt dọc, cắt ngang tuyến cống lấy nước

c) Tuyến đường vào trạm xử lý nước số 1: Đo vẽ cắt dọc, cắt ngang tuyến đường vào trạm xử lý: Đo mới do thay đổi tuyến tuy nèn lấy nước.

d) Tuyến kênh tưới: Đo vẽ cắt dọc, cắt ngang tuyến kênh tưới.

e) Các công trình trên tuyến ống cấp nước: Đo vẽ bản đồ địa hình: Giai đoạn lập BCNCKT chưa đo.

g) Đo vẽ tuyến đường cấp điện, mạng ống truyền tải và phân phối nước sạch và khu dân cư.

1.3. Khảo sát địa chất:

a) Tuyến đập dâng hồ Cán Cầu: Khoan thăm dò bổ sung tại đập dâng Cán Cầu. Khoan 1 hố tại tim đập và mỗi vai 1 hố.

b) Tuyến tuynel lấy nước: Khoan thăm dò tại công lấy nước. Khoan 2 hố chiều sâu hố khoan thấp hơn đáy cao trình đáy ống dẫn nước tối thiểu từ (2 đến 3)m.

** Công tác lấy mẫu: Mẫu đất nguyên dạng được lấy trong các hố khoan cho thí nghiệm xác định các chỉ tiêu toàn phần (9 chỉ tiêu), mẫu đá nguyên khai thí nghiệm 5 chỉ tiêu.*

1.4. Khảo sát địa vật lý:

- Đầu mối: Dọc tuyến đập, thượng lưu, hạ lưu đập để xác định quy mô các hang karst và các đới thấm mất nước.

- Lòng hồ: Đo khoan các tuyến dọc vai đập trái, vai đập phải và các tuyến khu vực lòng hồ, trong đới thấm mất nước.

1.5. Đo vẽ bản đồ địa chất, địa hình công trình:

- Phạm vi công tác đo vẽ bản đồ địa chất công trình: Toàn bộ khu vực lòng hồ diện tích khoảng 25ha và các yếu tố ảnh hưởng xung quanh đến phạm vi đánh giá; địa chất tại các lỗ khoan.

- Trường hợp phát hiện karst phải đo vẽ sơ đồ, mặt cắt, mặt bằng địa hình cho từng cấu trúc karst

2. Nhà thầu tư vấn cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng bao gồm:

a) Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP. Báo cáo khảo sát phải có kiến nghị về các giải pháp xử lý về thiết kế nền móng công trình và xử lý karst (nếu có), dự kiến các nội dung quan trắc ở giai đoạn sử dụng công trình (nếu cần thiết).

b) Các bản đồ địa chất công trình, bản đồ địa hình, bản đồ địa chất thủy văn, bản vẽ hiện trạng công trình xây dựng, các mặt cắt địa chất, mặt cắt địa hình. Khẳng định khả năng tích nước của lòng hồ đến cao trình thiết kế. Trường hợp phát hiện các yếu tố bất lợi đến khả năng tích nước của lòng hồ như phát hiện có karst nhà thầu phải có giải pháp và đề xuất phương án xử lý.

c) Nhật ký khảo sát.

d) Thuyết minh khảo sát.

Điều 8. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Không áp dụng

Điều 9. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng công trình:

1. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của Nhà thầu tư vấn thực hiện được thể hiện cụ thể trong Phụ lục số... [HSMT của Chủ đầu tư] và các thỏa thuận tại các biên bản đàm phán hợp đồng giữa các bên bao gồm các công việc chủ yếu sau:

a) Nghiên cứu báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo kết quả khảo sát xây dựng, nhiệm vụ thiết kế được duyệt và các tài liệu có liên quan..

b) Khảo sát thực địa để lập thiết kế.

c) Thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại các khoản 23 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14; Điều 79, 80 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.

d) Sửa đổi bổ sung hoàn thiện theo yêu cầu của cơ quan thẩm định (nếu có).

đ) Giám sát tác giả theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Nhà thầu tư vấn cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng công trình được lập cho từng công trình bao gồm:

a) Bản vẽ, thuyết minh thiết kế xây dựng công trình, các bảng tính kèm theo.

b) Chỉ dẫn kỹ thuật.

c) Dự toán xây dựng công trình.

d) Quy trình bảo trì công trình xây dựng

Điều 10. Nội dung và khối lượng công việc tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình: Không áp dụng.

Điều 11. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được Nhà thầu tư vấn hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng: [quy định tại ĐKCT]

Điều 12. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên.

2. Hồ sơ báo cáo kết quả khảo sát xây dựng;

3. Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công;

3. Phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được duyệt;

4. Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng.

Điều 13. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền: **6.863.100.000** đồng (Sáu tỷ tám trăm sáu mươi ba triệu một trăm nghìn đồng chẵn)

b) Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều... [Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng].

2. Nội dung của giá hợp đồng

a) Nội dung của giá hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng bao gồm: chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí chung, chi phí lán trại, chi phí lập phương án và báo cáo kết quả khảo sát, chi phí di chuyển lực lượng khảo sát, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

b) Nội dung của giá hợp đồng tư vấn tư vấn thiết kế xây dựng công bao gồm:

- Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

- Chi phí đi thực địa.

- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Chi phí giám sát tác giả đối với tư vấn thiết kế xây dựng công trình.

- Chi phí khác có liên quan.

c) Giá hợp đồng tư vấn xây dựng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư.

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn.

- Chi phí chưa tính trong giá hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 14. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng

- Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng. Việc áp dụng các phương pháp điều chỉnh giá phải phù hợp với tính chất công việc, loại giá hợp đồng, đồng tiền thanh toán và phải được thỏa thuận trong hợp đồng.

- Đối với hợp đồng tư vấn xây dựng thực hiện thanh toán theo thời gian (theo tháng, tuần, ngày, giờ) thì việc điều chỉnh mức tiền lương cho chuyên gia thực hiện theo công thức điều chỉnh cho một yếu tố chi phí nhân công tại mục I Phụ lục I kèm theo Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

2. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn

Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của hợp đồng tư vấn [quy định tại **ĐKCT**].

3. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

- Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

+ Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

+ Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn

1. Quyền của Nhà thầu tư vấn:

a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn.

b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật.

đ) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng cùng Chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám sát tác giả, trả lời các nội dung có liên quan đến hồ sơ thiết kế theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

c) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

d) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu tư vấn trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm.

g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

h) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.

k) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

l) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng.

m) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

n) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

q) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư:

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của Nhà thầu tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà thầu tư vấn.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.

đ) Yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

a) Cung cấp cho Nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán.

b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.

c) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Hướng dẫn Nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án; tạo điều kiện để Nhà thầu tư vấn được tiếp cận với công trình, thực địa.

e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu tư vấn.

g) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Nhà thầu tư vấn nếu Chủ đầu tư cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

h) Đối với nhà thầu tư vấn vi phạm về tiến độ của hợp đồng kể cả trường hợp chậm hoàn thiện hồ sơ giải trình đơn vị thẩm tra, cơ quan thẩm định thì Chủ đầu tư có quyền xử phạt như sau:

- Vi phạm lần thứ nhất: Nhắc nhở lần thứ nhất bằng văn bản gửi nhà thầu tư vấn chậm tiến độ.

- Vi phạm lần thứ hai: Nhắc nhở lần thứ hai bằng văn bản đồng thời đình chỉ cán bộ làm chậm tiến độ và đề nghị nhà thầu tư vấn thay cán bộ khác có trình độ tương đương, xử phạt nhà thầu tư vấn chậm tiến độ theo thời gian chậm hợp đồng và không nhỏ hơn 3% giá trị hợp đồng.

- Vi phạm lần thứ ba: Nhắc nhở lần thứ ba bằng văn bản, xử phạt nhà thầu tư vấn chậm tiến độ theo thời gian chậm tiến độ và không nhỏ hơn 5% giá trị hợp đồng.

- Vi phạm lần thứ tư: Chấm dứt hợp đồng.

Điều 17. Nhà thầu phụ (nếu có): Không áp dụng

Điều 18. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

1. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định cụ thể tại Phụ lục số 02 [Nhân lực của Nhà thầu].

2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong Phụ lục số 02 [Nhân lực của Nhà thầu]. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu tư vấn phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu tư vấn thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu tư vấn chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà thầu tư vấn có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở Phụ lục số 02 [Nhân lực của Nhà thầu].

6. Nhà thầu tư vấn tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu tư vấn không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 19. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Nhà thầu tư vấn sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép Nhà thầu tư vấn.

Nhà thầu tư vấn phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Nhà thầu tư vấn thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 20. Bảo hiểm

Nhà thầu mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 21. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng trong tương lai. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự.

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Nhà thầu tư vấn phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Chủ đầu tư phải bồi thường những tổn hại cho Nhà thầu tư vấn đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Nhà thầu tư vấn bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu tư vấn sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Chủ đầu tư phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu tư vấn.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

6. Chấm dứt và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có):

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu tư vấn, hoặc những thứ Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu tư vấn sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng.

Điều 22. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu tư vấn

a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu tư vấn phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu tư vấn phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 24. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu tư vấn. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

a) Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng [quy định tại **ĐKCT**] mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.

c) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 27 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc [quy định tại **ĐKCT**] liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

d) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.

đ) Nhà thầu tư vấn bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Nhà thầu tư vấn từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 29 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].

g) Nhà thầu tư vấn cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.

h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 21 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các Nhà thầu tư vấn khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các Nhà thầu tư vấn này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là [quy định tại **ĐKCT**] trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**].

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 29 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 29 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian [quy định tại **ĐKCT**].

đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 13 [Giá hợp đồng] và Điều 28 [Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác,...).

Điều 25. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng

a) Việc quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.

b) Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu tư vấn đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ trình cho Chủ đầu tư 7 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

c) Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu tư vấn chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu tư vấn sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

d) Sau khi hợp đồng được quyết toán theo quy định, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho nhà thầu.

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 24 [Chấm dứt hợp đồng].

Điều 26. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành [quy định tại ĐKCT].

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng.

Điều 27. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng được quy định cụ thể tại HSDT của nhà thầu [Tiến độ thực hiện công việc] với tổng thời gian thực hiện là [quy định tại ĐKCT].

2. Tiến độ chi tiết:

Thời gian và phần công việc hoàn thành [quy định tại ĐKCT]: 30 ngày

3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu tư vấn hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

4. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu tư vấn.

Điều 28. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng:

Thời gian chậm nhất là [quy định tại ĐKCT], Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu tư vấn là [quy định tại ĐKCT] với số tiền là [quy định tại ĐKCT].

2. Tiến độ thanh toán

Số lần thanh toán là [quy định tại **ĐKCT**].

Giá trị mà Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo các lần thanh toán cụ thể là [quy định tại **ĐKCT**].

Lần cuối cùng sau khi Nhà thầu tư vấn hoàn thành các công việc theo nghĩa vụ trong hợp đồng.

Trong vòng [quy định tại **ĐKCT**], kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn, Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

3. Hồ sơ thanh toán gồm:

a) Đối với hợp đồng trọn gói:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành

(Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng).

- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng.

- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu tư vấn bao gồm: Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này.

- Hoá đơn hợp lệ theo quy định.

4. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 29. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng [quy định tại **ĐKCT**]. Nếu những căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải: [quy định tại **ĐKCT**].

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật 60 ngày kể từ ngày phát

sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Trọng tài (*hoặc Tòa án Nhân dân*) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

Giải quyết tranh chấp: 60 ngày.

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 30. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.

2. Phạt vi phạm hợp đồng

Đối với Nhà thầu tư vấn: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng [quy định tại ĐKCT]

Đối với Chủ đầu tư: Nếu thanh toán chậm cho Nhà thầu tư vấn theo quy định tại Điều 13 [Giá hợp đồng] và Điều 28 [Tạm ứng và thanh toán] thì phải bồi thường cho Nhà thầu tư vấn theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng thương mại mà Nhà thầu tư vấn mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Chủ đầu tư đã thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn.

3. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: [quy định tại ĐKCT].

Điều 31. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm ký kết hợp đồng.

Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Chủ đầu tư sẽ giữ, số bản Nhà thầu tư vấn sẽ giữ [quy định tại ĐKCT].

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng Trọn gói

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

2. Ngôn ngữ của hợp đồng: Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (đối với trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng): Không áp dụng.

Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng là: 09 bộ.

*, Khảo sát địa hình, địa chất, địa vật lý:

- Phương án kỹ thuật khảo sát được chủ đầu tư phê duyệt;
- Hồ sơ khảo sát địa hình;
- Hồ sơ khảo sát địa chất;
- Hồ sơ khảo sát địa vật lý;
- Báo cáo kết quả khảo sát địa hình, địa chất.

- Báo cáo kết quả khảo sát địa vật lý lòng hồ Cán Cầu sau khảo sát đơn vị tư vấn phải khẳng định khả năng đảm bảo tích nước lòng hồ đến cao trình thiết kế, trường hợp phát hiện những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tích nước của lòng hồ đến cao trình thiết kế, nhà thầu phải đưa ra giải pháp, đề xuất phương án xử lý (nếu có).

- Bản vẽ thể hiện khảo sát địa hình, địa chất, địa vật lý lòng hồ Cán Cầu.
- Nhật ký khảo sát; Thuyết minh.

*, Hồ sơ thiết kế

- Công năng sử dụng.
- Phương án công nghệ.
- Phương án kết cấu, loại vật liệu chủ yếu.
- Chỉ dẫn kỹ thuật.
- Phương án phòng, chống cháy, nổ.
- Phương án sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.
- Giải pháp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.
- Thời hạn sử dụng và quy trình vận hành, bảo trì công trình.
- Dự toán xây dựng phù hợp với bước thiết kế xây dựng.
- Bản vẽ, thuyết minh thiết kế xây dựng công trình, các bảng tính kèm theo.
- Đĩa CD/USB chứa toàn bộ file mềm và file PDF hồ sơ được phê duyệt.

Điều 5. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng

- Giá trị Hợp đồng: **6.863.100.000 đồng**, đã bao gồm các loại thuế, thuế VAT 10%, (Bằng chữ: Sáu tỷ, tám trăm sáu mươi ba triệu, một trăm nghìn đồng chẵn.)

Trong đó, giá trị phân công việc các thành viên đảm nhận là:

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tư vấn Thủy Sơn thực hiện với giá trị là: **2.674.976.000 đồng**.

(Bằng chữ: Hai tỷ, sáu trăm bảy mươi tư triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn)

+ Công ty cổ phần nước và môi trường Việt Nam thực hiện với giá trị là: **1.068.461.000 đồng**.

(Bằng chữ: Một tỷ, không trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng chẵn)

+ Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất thực hiện với giá trị là: **3.119.663.000** đồng

(Bằng chữ: Ba tỷ, một trăm mười chín triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng chẵn)

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo)

Điều 6. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

2. Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng, phạm vi và trình tự, thủ tục điều chỉnh khối lượng:

a) Đối với hợp đồng trọn gói: Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thay đổi phạm vi công việc (tăng, giảm) trong Hợp đồng thì đối với khối lượng công việc này các bên thỏa thuận Điều chỉnh tương ứng.

b) Thay đổi ngoài hồ sơ thiết kế được duyệt; Khi nhà nước có sự thay đổi chế độ chính sách, thay đổi giá trị thuế VAT theo quy định ở từng thời điểm nghiệm thu khối lượng hoàn thành công việc; Do nguyên nhân bất khả kháng quy định tại Điều 18 [Rủi ro và bất khả kháng] ảnh hưởng tới giá Hợp đồng.

c) Đối với khối lượng phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết mà chưa có đơn giá trong hợp đồng thì được xác định trên cơ sở thỏa thuận hợp đồng và quy định pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Các bên phải ký kết phụ lục hợp đồng làm cơ sở cho việc thanh toán, quyết toán hợp đồng.

3. Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng:

a) Trường hợp thời hạn hoàn thành công việc tư vấn chậm so với tiến độ công việc của Hợp đồng do lỗi của nhà thầu thì nhà thầu phải có giải pháp khắc phục để bảo đảm tiến độ hợp đồng. Nếu tiến độ thực hiện hợp đồng bị kéo dài so với tiến độ hợp đồng đã ký thì nhà thầu phải kiến nghị chủ đầu tư gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp phát sinh chi phí thì nhà thầu phải khắc phục bằng chi phí của mình. Nếu gây thiệt hại cho chủ đầu tư thì nhà thầu phải bồi thường.

b) Trường hợp thời hạn hoàn thành hợp đồng tư vấn chậm so với tiến độ của Hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư thì chủ đầu tư phải gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp gây thiệt hại cho nhà thầu thì phải bồi thường.

Điều 7. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

(Theo phụ lục số 02 đính kèm)

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau 24 ngày

Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 24 ngày.

Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 27 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc 24 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 15 ngày.

Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 15 ngày.

Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 29 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 15 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian 30 ngày.

Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 01 lần.

Sau khi chủ đầu tư nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do nhà thầu cung cấp và Hồ sơ lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán được phê duyệt, chủ đầu tư căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng;

(Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng.

Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng:

Tiến độ thực hiện hợp đồng với tổng thời gian thực hiện là 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ (thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng).

2. Tiến độ chi tiết:

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (ngày)	Ghi chú
1	Khảo sát địa hình	10	Thời gian thực hiện: Kể từ ngày ký hợp đồng
2	Khoan địa chất công trình	15	
3	Đo vẽ bản đồ địa chất	10	
4	Khảo sát địa vật lý	15	
5	Lập thiết kế bản vẽ thi công	30	

Điều 11. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: Không

2. Tiến độ thanh toán

Số lần thanh toán theo kế hoạch vốn được bố trí. Thanh toán tối đa 70% giá trị nghiệm thu hoàn thành. Thanh toán 100% giá trị theo phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

Khoảng thời gian Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn khi nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn là trong vòng 15 ngày.

3. Số tiền tạm ứng, thanh toán của hợp đồng sẽ được chuyển về tài khoản của từng thành viên liên danh. Cụ thể:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tư vấn Thủy Sơn.

Số tài khoản: 4110511321 Tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Sơn la

- Công ty cổ phần nước và môi trường Việt Nam.
Số tài khoản: 2110000113 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội
- Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất
Số tài khoản: 111000037499 – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Chi nhánh Nam Thăng Long, Hà Nội

3. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.
- Bảng tính giá trị khối lượng hoàn thành theo Mẫu số 03.a/TT; khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi Hợp đồng theo Mẫu số 03.c/TT (Ban hành kèm theo Nghị định số: 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ).
- Hoá đơn hợp lệ theo quy định.

4. Đồng tiền thanh toán: Là đồng tiền Việt Nam.

Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Thời gian để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại là 15 ngày.
2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải là 30 ngày.

Khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật là trong vòng 30 ngày.

Giải quyết tranh chấp là:

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

Điều 13. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.

2. Phạt vi phạm hợp đồng

- Thời gian chậm tiến độ thực hiện hợp đồng là: 24 ngày
- Tỷ lệ phạt là 0,5% giá trị hợp đồng/ ngày chậm, giá trị không quá 12%.
- Số tiền phạt tối đa bên nhận phải chịu là: **800.000.000 VNĐ**.

3. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: Áp dụng

+ Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;

Nhà thầu tư vấn phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế trong trường hợp Nhà thầu tư vấn vì thiếu sót trong quá trình thiết kế, dẫn đến việc Lập hồ sơ thiết kế công trình không đúng theo tiêu chuẩn quy định, không đáp ứng yêu cầu về mỹ quan, không phù hợp quy hoạch, phương

án thiết kế kiến trúc, kết cấu không phù hợp, tính sai dự toán dẫn đến không thực hiện được hoặc phải điều chỉnh bổ sung dự án.

Điều 14. Điều khoản chung

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm ký kết hợp đồng.

Hợp đồng này bao gồm 27 trang 02 phụ lục và được lập thành 15 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 06 bản, Nhà thầu tư vấn sẽ giữ 09 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC BAN
Đỗ Đình Thi

ĐẠI DIỆN BÊN B

Thành viên liên danh
thứ nhất



Nguyễn Mạnh Hùng

Thành viên liên danh
thứ hai



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trịnh Xuân Thịnh

Thành viên liên danh
thứ ba



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. *Trần Đình Kiên*

PHỤ LỤC SỐ 01

BIỂU TỔNG HỢP GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng số: /2024/HĐTV - KS, TKBVTC, ký ngày 03/05/2024 giữa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Si Ma Cai và Liên danh THUỶ SƠN - VIWASE - CODECO)

Đơn vị tính: đồng

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Đơn giá (bao gồm VAT 10%)	Thành tiền (bao gồm VAT)		
			Công ty TNHH MTV tư vấn Thủy Sơn	Công ty Cổ phần nước và Môi trường Việt Nam	Công ty TNHH tư vấn, triển vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất		Công ty TNHH MTV tư vấn Thủy Sơn	Công ty Cổ phần nước và Môi trường Việt Nam	Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất
1	Khảo sát địa hình khu hồ chứa Cán Cấu								
1.1	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn. Cấp địa hình III	100m	3,00			1.170.188	3.510.565	-	-
1.2	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	4,50			1.528.914	6.880.111	-	-
1.3	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	4,50			1.528.914	6.880.111	-	-

1.4	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn. Cấp địa hình III	100m	6,75			1.429.582	9.649.681	-	-
1.5	Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến kênh tưới ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	10,05			1.860.701	18.700.047	-	-
1.6	Đo không chế cao. Thủy chuẩn kỹ thuật. Cấp địa hình III	km	0,30			1.903.861	571.158	-	-
1.7	Đo không chế cao. Thủy chuẩn kỹ thuật. Cấp địa hình IV	km	0,45			2.643.781	1.189.702	-	-
2	Khảo sát địa hình, khu trạm bơm tăng áp, bể chứa trung gian, tuyến đường ống cấp nước								
2.1	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử. Bản đồ tỷ lệ 1/1.000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình IV	100 ha	0,026			190.346.572	4.949.011	-	-

2.2	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử. Bản đồ tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m, cấp địa hình IV	ha	0,75	0,75		5.752.490	4.314.368	4.314.368	-
2.3	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	33,5	7,5		1.528.914	51.218.604	11.466.852	-
2.4	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	20,0	15		1.860.701	37.214.024	27.910.518	-
2.5	Đo khống chế cao. Thủy chuẩn kỹ thuật. Cấp địa hình IV	km	3,4	0,75		2.643.781	8.856.667	1.982.836	-
3	Khảo sát địa chất khu hồ Cánh Cẩu								
3.1	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I - III	m khoan	15,0			1.162.613	17.439.195	-	-
3.2	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá IV - VI	m khoan	90,0			1.762.516	158.626.463	-	-

3.3	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc $\geq 9m$). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I - III	m khoan	15,0			413.489	6.202.339	-	-
3.4	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc $\geq 9m$). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá IV - VI	m khoan	90,0			585.964	52.736.778	-	-
3.5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	18,0			473.806	8.528.507	-	-
3.6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	18,0			98.166	1.766.986	-	-

3.7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	18,0			296.198	5.331.566	-	-
3.8	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	18,0			56.023	1.008.408	-	-
3.9	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	18,0			135.768	2.443.831	-	-
3.10	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ chặt tiêu chuẩn	1 chỉ tiêu	18,0			850.599	15.310.781	-	-
3.11	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	18,0			55.153	992.754	-	-
3.12	Thí nghiệm độ co ngót và trương nở của mẫu đất	1 chỉ tiêu	18,0			1.061.297	19.103.351	-	-
3.13	Thí nghiệm xác định hệ số thấm của mẫu đất	1 chỉ tiêu	18,0			402.767	7.249.806	-	-

3.14	Đo vẽ bản đồ địa chất công trình. Bản đồ tỷ lệ 1/2.000, cấp phức tạp III	ha		25,0	8.093.723	-	-	202.343.082
3.15	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), khối lượng riêng của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	6,0		255.487	1.532.923	-	-
3.16	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), khối lượng thể tích của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	6,0		182.255	1.093.533	-	-
3.17	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), độ hút nước của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	6,0		169.556	1.017.335	-	-
3.18	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), cường độ nén của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	6,0		884.433	5.306.596	-	-
3.19	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), hệ số hóa mềm của đá nguyên khai (cho 1 lần khô hoặc ướt)	1 chỉ tiêu	6,0		1.591.680	9.550.078	-	-
3.20	Vận chuyển thiết bị khoan (Xe thùng 7 tấn)	ca	2,0		1.904.591	3.809.182	-	-

4	Thăm dò địa vật lý khu hồ Cán Cấu												
4.1	Thăm dò địa vật lý điện bằng phương pháp đo sâu điện đối xứng. Cấp địa hình III-IV	quan sát				624,0	4.675.193	-	-	-	2.917.320.257		
5	Tổng chi phí khảo sát							472.984.461	45.674.574	3.119.663.339			
6	Chi phí lập thiết kế BVT							2.201.991.366	1.022.786.921				
	Tổng cộng							2.674.976.000	1.068.461.000	3.119.663.000			

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2024

GIẤY ỦY QUYỀN

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE), là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam có trụ sở tại số 5 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, dưới đây ủy quyền cho:

Ông Trịnh Xuân Thịnh

Phó Tổng Giám đốc Công ty

CCCD số: 001077029875 cấp ngày 08/04/2021

Cấp bởi Cục CS QLHC về trật tự xã hội

Là người đại diện của Công ty, được ủy quyền thay mặt Công ty thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia thực hiện Gói thầu số 13: Tư vấn Khảo sát + Thiết kế bản vẽ thi công Công trình: Xây dựng hệ thống cấp nước sạch các xã trên địa bàn huyện Si Ma Cai, do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Si Ma Cai làm chủ đầu tư:

- Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng;
- Tham gia quá trình hoàn thiện và ký kết hợp đồng;
- Triển khai thực hiện và quản lý hợp đồng;
- Ký các văn bản, tài liệu, hồ sơ sản phẩm thuộc hợp đồng;
- Ký hồ sơ thanh toán, hồ sơ quyết toán, thanh lý hợp đồng.

Ông Trịnh Xuân Thịnh chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Tổng Giám đốc VIWASE về phạm vi mình được ủy quyền.

Giấy ủy quyền này có giá trị đến khi hoàn thành việc thực hiện hợp đồng. Giấy ủy quyền được lập thành ba (03) bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ một (01) bản và người được ủy quyền giữ hai (02) bản.

Chữ ký của
người được ủy quyền



Trịnh Xuân Thịnh

TỔNG GIÁM ĐỐC




Lê Văn Tuấn

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH*(Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ)*

Tên dự án: Xây dựng hệ thống cấp nước sạch các xã trên địa bàn huyện Sĩ Ma Cai

Mã dự án:

Tên gói thầu: Gói thầu số 13: Tư vấn khảo sát + Thiết kế bản vẽ thi công

Căn cứ hợp đồng số : 02/2024/HĐTV – KS, TKBVTC, ngày 03/5/2024 giữa ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Sĩ Ma Cai và Liên danh THỦY SƠN - VIWASE -CODECO

Căn cứ phụ lục hợp đồng số 01/2024/PLHĐTV-KS,TKBVTC ngày 10 tháng 6 năm 2024; Phụ lục hợp đồng số 02/2024/PLHĐTV-KS,TKBVTC ngày 17 tháng 6 năm 2024; Phụ lục hợp đồng số 03/2024/PLHĐTV-KS,TKBVTC ngày 11 tháng 10 năm 2024

Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sĩ Ma Cai

Nhà thầu: Liên danh Thủy Sơn - VIWASE - CODECO

Nhà thầu thực hiện: Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và Xây dựng Mô Địa chất

Thanh toán lần thứ: 01

Căn cứ xác định:

+ Quyết định số : 239/QĐ-UBND, ngày 10/10/2024, của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Sĩ Ma Cai, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

+ Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng số 01/NTHT-DVĐC-DVL ngày 25 tháng 5 năm 2024;

Đơn vị : đồng

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng theo Hợp đồng	Khối lượng			Đơn giá thanh toán theo hợp đồng	Đơn vị : đồng				
				Thực hiện				Theo hợp đồng	Thành tiền			Ghi chú
				Lưu ý kể đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lưu ý kể đến hết kỳ này			Lưu ý kể đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lưu ý kể đến hết kỳ này	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Khảo sát địa chất khu hồ Cán Cầu											
	Đo vẽ lập bản đồ địa chất công trình. Bản đồ tỷ lệ 1/2.000, cấp phức tạp III	ha	25,0		25,0	25,0	8.093.723	202.343.082		202.343.082	202.343.082	
2	Thăm dò địa vật lý khu hồ Cán Cầu											
	Thăm dò địa vật lý diện bằng phương pháp đo sâu điện đối xứng. Cấp địa hình III-IV	quan sát	624,0		624,0	624,0	4.675.193	2.917.320.257		2.917.320.257	2.917.320.257	
	Tổng cộng							3.119.663.339		3.119.663.339	3.119.663.339	
	Tổng cộng (làm tròn)							3.119.663.000		3.119.663.000	3.119.663.000	

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng theo Hợp đồng	Khối lượng			Đơn giá thanh toán theo hợp đồng	Thành tiền				
				Thực hiện				Theo hợp đồng	Thực hiện			Ghi chú
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này			Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	
	Giảm trừ thuế VAT 2% theo ND 72/2024/ND-CP ngày 30/6/2024								56.721.145	56.721.145		
	Tổng số (làm tròn)						3.119.663.000		3.062.942.000	3.062.942.000		

1. Giá trị hợp đồng: 3.119.663.000 đồng
2. Giá trị tạm ứng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước: - đồng
3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước: - đồng
4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này: 3.062.942.000 đồng
5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng: - đồng
6. Giá trị đề nghị giải ngân kỳ này: 3.062.942.000 đồng

Số tiền bằng chữ: Ba tỷ không trăm sáu mươi hai triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn đồng (là số tiền đề nghị giải ngân kỳ này)

Trong đó:

- Tạm ứng: - đồng
- Thanh toán khối lượng hoàn thành: 3.062.942.000 đồng
7. Lũy kế giá trị giải ngân: 3.062.942.000 đồng
- Trong đó:
- Tạm ứng: - đồng
- Thanh toán khối lượng hoàn thành: 3.062.942.000 đồng


PGS.TS. Trần Đình Kiên

ĐẠI DIỆN TƯ VẤN QUẢN LÝ DỰ ÁN

PHÓ GIÁM ĐỐC
Đào Việt Kê'

Lào Cai, ngày 28 tháng 11 năm 2024
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC BAN
La Xuân Cường

